

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM KHI THAM GIA HỢP TÁC TRONG TIỂU VÙNG SÔNG MÊ CÔNG MỞ RỘNG (1992 - 2016)

THE IMPACT OF BEING COOPERATED IN THE GREATER MEKONG SUBREGION ON VIETNAM (1992 - 2016)

NGUYỄN THỊ TÚ TRINH^(*)

TÓM TẮT: Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (Greater Mekong Subregion - GMS) bao gồm lãnh thổ các nước: Trung Quốc, Lào, Myanmar, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Đây là một tổ chức hợp tác của các nước có chung dòng sông Mê Công, được thành lập vào năm 1992 theo đề xuất sáng kiến từ Ngân hàng phát triển Châu Á (The Asian Development Bank - ADB). Việt Nam tham gia hợp tác trong GMS từ năm 1992 và là thành viên sáng lập nên tổ chức này. Quá trình tham gia hợp tác đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực và lâu dài cho Việt Nam nhưng mặt khác cũng gây ra những hạn chế, yếu kém. Vì vậy, Việt Nam cần tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi theo tinh thần tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời cố gắng khắc phục những khó khăn, thách thức nhằm góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và thế giới.

Từ khóa: Tiểu vùng Mê Công mở rộng, hợp tác quốc tế, tác động đối với Việt Nam.

ABSTRACT: The Greater Mekong Subregion (GMS) covers the territories of China, Laos, Myanmar, Thailand, Cambodia and Vietnam. This is a cooperative organization of countries sharing the Mekong River, established in 1992 under the initiative of the Asian Development Bank (ADB). Vietnam has joined the GMS since 1992, being one of the founders this organization. The process of cooperation has brought enormous practical and long-term benefits for Vietnam in socio-economic development as well as in environmental protection, but on the other hand it also has limitations and disadvantages. Therefore, Vietnam should take advantage of favorable conditions in the spirit of positive, active integration into the international economy. At the same time, we should try to overcome the difficulties and challenges to contribute to raising the position of Vietnam in the region and the world.

Key words: The Greater Mekong Subregion, international cooperation, impact on Vietnam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS) là một khu vực địa lý bao gồm diện tích lãnh thổ các nước Trung Quốc (Trung

Quốc tuy có hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây thuộc không gian Tiểu vùng nhưng Trung Quốc tham gia với tư cách một quốc gia, trong đó tỉnh Quảng Tây tham gia vào

^(*) ThS. Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, trinhntt@cntp.edu.vn, Mã số: TCKH09-16-2018

các hoạt động của GMS năm 2005 theo đề nghị của Trung Quốc), Lào, Myanmar, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam, yếu tố gắn kết các quốc gia lại với nhau là sông Mê Công. Khái niệm này do Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đưa ra lần đầu tiên vào năm 1992. GMS được thành lập do nhiều yếu tố, ngoài yếu tố nổi bật là có chung dòng sông Mê Công chảy qua, khu vực này còn có nhiều điểm tương đồng về vị trí địa lý và điều kiện kinh tế - xã hội.

Xét về vị trí địa lý, nơi đây có hai đại dương lớn bao bọc là Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, với địa thế thuận lợi, khu vực GMS trở thành điểm kết nối nhiều thị trường lớn và các nền kinh tế năng động của châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ và các nước ASEAN, tạo thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị toàn cầu, đóng vai trò cầu nối giao thông, thương mại, đầu tư giữa các nước châu Á.

Xét về điều kiện kinh tế, vào những năm cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, một vài quốc gia trong GMS nhìn chung kinh tế còn nghèo, lạc hậu. Nguyên nhân là do một vài nước trong GMS có thời gian dài bị chiến tranh tàn phá kéo theo cơ sở hạ tầng yếu kém, thêm vào đó việc duy trì quá lâu mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp đã làm cho nền kinh tế một vài nước, đặc biệt là kinh tế Việt Nam lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng, một vài nước chuyển đổi sang kinh tế thị trường chậm hơn các nước khác và từng bước hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới với nhiều mức độ khác nhau.

Xét về yếu tố chính trị, GMS là một khu vực đa dạng về thể chế chính trị. Có những nước xây dựng thể chế chính trị

cộng hòa và dân chủ nhân dân như: Trung Quốc, Việt Nam, Lào định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội; có những nước theo thể chế Liên bang như Myanmar,... Chính sự đa dạng về thể chế chính trị buộc các nước phải tăng cường hợp tác nhằm đảm bảo một khu vực hòa bình, ổn định lâu dài để có thể kêu gọi, thu hút nguồn vốn đầu tư cho sự phát triển chung của khu vực.

Về mặt xã hội, khu vực GMS có dân số khoảng 326 triệu người [2, tr.28] với nhiều quốc tịch và dân tộc khác nhau. Đặc điểm chung của những cư dân thuộc khu vực này là những nước thuộc diện kém phát triển của châu Á và thế giới. Nơi đây có tỷ lệ hộ nghèo đối khá cao. Vào năm 1989, “*ước tính trên thế giới có 1,131 triệu người sống trong tình trạng đói nghèo thì 723 triệu người tức khoảng 60.6% thuộc về khu vực châu Á mà trong đó các cư dân vùng sinh thủy (Wateshed) thuộc tiểu vùng Mê Công là những người đói nghèo nhất.*” [1, tr.7-8].

Tóm lại, qua phân tích về những yếu tố nêu trên, có thể thấy rằng GMS được hình thành xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của mỗi nước trong hoàn cảnh kinh tế đang trong giai đoạn nghèo nàn, lạc hậu, và nó cũng phù hợp với tiến trình hội nhập toàn cầu và khu vực trên thế giới. Mục tiêu hợp tác của GMS là nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác phát triển giữa các nước trong GMS, đưa tiểu vùng nhanh chóng trở thành vùng phát triển nhanh và thịnh vượng ở châu Á. Cơ chế hoạt động theo 5 hình thức tổ chức là Hội nghị cấp cao GMS, Hội nghị cấp Bộ trưởng, Diễn đàn ngành và nhóm công tác, Ủy ban điều phối quốc gia GMS và Ban Thư ký. Hoạt động hợp tác của GMS chủ yếu diễn ra

trên các lĩnh vực: Giao thông vận tải; Năng lượng và Bưu chính viễn thông; Du lịch; Thương mại; Đầu tư; Phát triển Nguồn nhân lực; Nông nghiệp; Môi trường và Quản lý nguồn nước sông Mê Công.

Có thể nói, sự ra đời và phát triển của GMS gắn liền với sự đóng góp to lớn của ADB. Tổ chức này đã tài trợ nhiều chương trình, dự án hợp tác kinh tế, đồng thời xây dựng nhiều kế hoạch để GMS hoạt động. Ngoài ra, Nhật Bản cũng có vai trò to lớn đối với sự lớn mạnh và phát triển của GMS thông qua hình thức đầu tư trực tiếp và viện trợ chính thức cho các nước thành viên trong GMS, trong đó Việt Nam, Lào, Campuchia là những nước đón nhận nhiều nguồn vốn đầu tư từ Nhật Bản.

2. NỘI DUNG

2.1. Quá trình tham gia hợp tác của Việt Nam trong GMS (1992 - 2016)

2.1.1. Giao thông vận tải

Trong giai đoạn từ năm 1992 đến năm 2016, hợp tác về giao thông vận tải giữa Việt Nam với các nước GMS được đẩy mạnh với nhiều tuyến hành lang kinh tế mới đã hoàn thành và đi vào sử dụng. Tính đến năm 2010, có ba tuyến hành lang kinh tế đã đi vào hoạt động, bao gồm: Hành lang kinh tế Đông - Tây hoàn thành vào năm 2006; Hành lang kinh tế Bắc - Nam và Hành lang kinh tế phía Nam hoàn thành năm 2010. Trong ba tuyến hành lang kinh tế nêu trên, tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây được xác định là quan trọng nhất với chiều dài 1450 km đi qua 4 nước, bắt đầu từ thành phố cảng Mawlamyine (Myanmar) đi qua 7 tỉnh của Thái Lan, qua địa phận tỉnh Savannakhet (Lào) và cuối cùng là qua các

tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng (Việt Nam).

Điểm đáng lưu ý trong hợp tác giao thông giữa Việt Nam với các nước GMS là sự kiện năm 2007, các nước thành viên đã nhất trí thông qua Chiến lược giao thông tiểu vùng Mê Công giai đoạn 2006 - 2015. Theo đó sẽ điều chỉnh lại quy hoạch các hành lang kinh tế bằng cách mở rộng thêm 9 hành lang giao thông mới thay vì 7 hành lang giao thông như trước đây. Riêng tại Việt Nam, đã mở rộng thêm một số tuyến hành lang giao thông đi qua các tỉnh thành như: Thành phố Hồ Chí Minh, Pleiku, Quy Nhơn, Hà Tiên, Cà Mau. Ngoài 3 cửa ngõ ra biển phía Đông hiện có là Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải Phòng, quy hoạch mở thêm 2 cửa ngõ mới ở Việt Nam là Thanh Hoá và Quy Nhơn. Điều đó phù hợp với chương trình và mục tiêu hợp tác của GMS, đó là muốn mở rộng về quy mô và chất lượng các chương trình, dự án trong hợp tác kinh tế GMS.

2.1.2. Thương mại và đầu tư

Trong lĩnh vực thương mại: Việt Nam đã tham gia ký kết Khung chiến lược hành động và xúc tiến thương mại và đầu tư được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh GMS 2 (2005) tại Côn Minh (Trung Quốc). Hiệp định tập trung giải quyết những vấn đề về thủ tục hải quan; Các biện pháp thanh tra và kiểm dịch; Dịch vụ thương mại và việc đi lại của doanh nhân. Ngoài ra, hàng năm Việt Nam còn phối hợp với các nước GMS tổ chức “Diễn đàn kinh doanh”, thành lập nhóm về hải quan và phát triển hệ thống dịch vụ “một cửa” để tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư đến khu vực GMS.

Về hợp tác đầu tư: Hoạt động hợp tác đầu tư giữa Việt Nam với các nước GMS diễn ra mạnh mẽ thông qua việc tổ chức các buổi diễn đàn hợp tác đầu tư. Việt Nam xác định đây là kênh rất quan trọng để thu hút nguồn vốn đầu tư từ các nước GMS và các đối tác bên ngoài. Để nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư, Việt Nam đề xuất thành lập Nhóm công tác đầu tư tiểu vùng, đồng thời tích cực tham gia hoạt động của Nhóm để huy động nguồn vốn nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng và tăng cường năng lực xúc tiến đầu tư.

2.1.3. Hợp tác phát triển du lịch

Du lịch được xem là một ngành kinh tế tổng hợp, ngành kinh tế mũi nhọn và là công cụ cứu cánh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, kích thích các ngành kinh tế khác phát triển. Từ những đóng góp to lớn của ngành du lịch, Việt Nam và các nước GMS đặt ra mục tiêu là xây dựng và khuyến khích GMS thành điểm đến duy nhất, hướng đến phát triển du lịch bền vững. Để thực hiện mục tiêu đó, Việt Nam đã phối hợp với các nước GMS triển khai dự án “*Phát triển bền vững du lịch tiểu vùng sông Mê Công*” do ADB tài trợ, với mong muốn thúc đẩy phát triển bền vững du lịch các nước Việt Nam, Lào, Campuchia thông qua việc nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch, phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, hỗ trợ người nghèo và hợp tác tiểu vùng về du lịch. Dự án được chia ra làm hai giai đoạn:

Giai đoạn I, thời gian thực hiện từ năm 2003 đến năm 2009, thực hiện ở các địa điểm: An Giang, Tiền Giang, Hà Nội, Lào, Campuchia. *Giai đoạn II* của dự án được triển khai trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2013, thực hiện ở các địa điểm tại Việt Nam: Cao Bằng, Bắc Kạn, Quảng Bình,

Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Hà Nội và một số địa phương của Lào. Nội dung hoạt động của dự án giai đoạn II được bổ sung về chương trình phát triển du lịch dọc hành lang kinh tế Đông - Tây.

Bên cạnh đó, giữa các nước GMS còn phối hợp tổ chức nhiều hội thảo khoa học liên quan đến lĩnh vực du lịch cũng như tổ chức các diễn đàn hợp tác du lịch Mê Công. Đặc biệt, nhằm thu hút khách du lịch quốc tế đến tham quan tại khu vực, Việt Nam và các nước GMS đã thực hiện chính sách đơn giản hóa thủ tục hải quan, xuất nhập cảnh, nâng cấp các cửa khẩu quốc gia và quốc tế, đồng thời miễn visa cho khách du lịch.

2.1.4. Hợp tác phát triển nguồn nhân lực

Hợp tác phát triển nguồn nhân lực là một trong những nội dung được các nước GMS xác định mang tính chiến lược và lâu dài trong chương trình hợp tác kinh tế GMS. Nhận thức được vai trò quan trọng của nguồn nhân lực, tại Hội nghị Bộ trưởng GMS 15 (2009) tổ chức tại Thái Lan, Việt Nam và các nước GMS đã nhất trí thông qua Khung chiến lược Phát triển nguồn nhân lực GMS và Kế hoạch hành động giai đoạn II (2009 - 2012) với sự hỗ trợ vốn, kỹ thuật từ ADB và các đối tác phát triển. Kế hoạch hành động này tập trung giải quyết nhiều vấn đề đáng quan tâm trong lĩnh vực đào tạo - phát triển kỹ năng, lao động - nhập cư, và phát triển xã hội,... Đối với lĩnh vực y tế, để góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến các dịch bệnh phát sinh như dịch cúm gia cầm, HIV/AIDS và các bệnh dịch khác như bại liệt, sốt rét, lao,... ADB đã tài trợ dự án hỗ trợ kỹ thuật cho các nước Việt Nam, Lào và Campuchia trong công tác phòng chống dịch bệnh với sự tham gia tích cực

của các địa phương, các bộ, cơ quan y tế của các nước này. Dự án này đã và đang mang lại hiệu quả thiết thực.

2.1.5. *Hợp tác bảo vệ môi trường*

Trong nhiều năm trở lại đây, do chứng kiến những thay đổi bất thường về biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng nên công tác bảo vệ môi trường đã nhận được sự quan tâm rất lớn từ các nước GMS. Việt Nam đã tích cực phối hợp với các nước GMS xây dựng nhiều chương trình, dự án nhằm bảo vệ và sử dụng hiệu quả nhất các nguồn tài nguyên. Trong đó đặc biệt là Chương trình Môi trường trọng điểm do ADB đề xuất xây dựng từ tháng 9/2004. Mục đích của chương trình nhằm bảo vệ môi trường và hệ sinh thái các tuyến hành lang kinh tế; đảm bảo đầu tư phát triển bền vững các lĩnh vực giao thông, thủy điện và du lịch; thực hiện các chiến lược nhằm bảo tồn thiên nhiên các nước GMS; phát triển và ứng dụng các chỉ số môi trường để đánh giá mức độ tiến triển của việc phát triển bền vững môi trường. Kế hoạch cụ thể của chương trình là duy trì và củng cố sự kết nối hệ sinh thái rừng giữa Quảng Nam, Thừa Thiên Huế và Quảng Trị ở miền Trung Việt Nam, hình thành một hệ thống hành lang đa dạng sinh học tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế nhằm phục hồi và duy trì tính liên kết của hệ sinh thái trong khu vực (liên kết khu vực 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia) bảo đảm dịch vụ hệ sinh thái rừng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng Trung Trường Sơn, đem lại lợi ích sinh kế cho cộng đồng địa phương nhằm phát triển kinh tế khu vực.

2.1.6. *Hợp tác quản lý nguồn nước sông Mê Công*

Để góp phần sử dụng có hiệu quả nguồn nước sông Mê Công, bốn nước thành viên trong Ủy hội sông Mê Công (Mekong River Commission - MRC) bao gồm: Việt Nam, Thái Lan, Lào và Campuchia đã tham gia ký kết bản Tuyên bố Hua Hin (2010), được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh đầu tiên của MRC tổ chức tại Thái Lan với mục tiêu thúc đẩy và điều phối nguồn tài nguyên nước, khai thác và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên liên quan, tìm kiếm lợi ích chung của quốc gia và phúc lợi của người dân. Trong bản Tuyên bố, các nước cam kết xây dựng “*Lưu vực sông Mê Công có nền kinh tế thịnh vượng, xã hội công bằng và môi trường tốt*”. Thời gian thực hiện chiến lược từ năm 2011 đến năm 2015, với sự hỗ trợ và giám sát của Ban Thư ký MRC. Trong đó, các thành viên trong Ủy hội sẽ tập trung quản lý tổng hợp các ngành thủy sản, giao thông thủy, quản lý rủi ro lũ và hạn, du lịch, hệ sinh thái, đất ngập nước và quản lý vùng đầu nguồn.

Sông Mê Công hiện là môi trường sống của hơn 60 triệu dân thuộc 6 nước GMS. Trong tương lai, nếu dân số gia tăng, kinh tế phát triển, kéo theo nhu cầu năng lượng tăng và nguồn tài nguyên nước dồi dào sẽ là điều kiện thuận lợi để các nước GMS phát triển thủy điện. Tại Trung Quốc, Lào và Campuchia đã và đang xây dựng nhiều công trình thủy điện ngăn dòng chính sông Mê Công, “*trong kế hoạch dài hạn đến năm 2040, Trung Quốc dự kiến xây dựng 15 bậc thang thủy điện với tổng công suất lắp máy lên đến 22.860 MW, tổng dung tích chứa 52,81 tỷ m³, dung tích hữu*

ích 29,3 tỷ m³” [7, tr.29]. Nếu các đập thủy điện được xây dựng sẽ tác động đến dòng chảy sông Mê Công, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường nước, làm tăng nguy cơ lũ quét, giảm lượng phù sa, tác động đến môi trường dẫn đến biến đổi khí hậu, và đặc biệt là sự xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam do thiếu nước vào mùa khô. Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam là nơi chịu tác động giao thoa giữa quá trình sông ở thượng nguồn và quá trình biển ở hạ nguồn. Khi quá trình sông yếu đi, quá trình biển sẽ lấn, gây nguy cơ ngập mặn sâu hơn và sẽ ảnh hưởng lớn đến hệ thống nông nghiệp và đời sống dân cư. Do vậy, đây là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. “*Tính đến cuối tháng 3/2016 (lúc ảnh hưởng của hạn - mặn gay gắt nhất), hạn hán ảnh hưởng đến tất cả 13 tỉnh của Đồng bằng Sông Cửu Long, trong khi xâm nhập mặn ảnh hưởng đến 9/13 tỉnh. Ước tính thiệt hại trong đợt hạn - mặn 2015-2016 toàn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long có thể lên đến 5.500 tỷ đồng. Trong đó, sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại nặng nề nhất, với trên 160.000 ha đất canh tác (chủ yếu là lúa, ngoài ra còn có mía, cây ăn trái, rau màu...) bị nhiễm mặn*” [11].

2.2. Đánh giá tác động từ quá trình tham gia hợp tác của Việt Nam trong GMS (1992 - 2016)

2.2.1. Tác động tích cực

Thông qua quá trình tham gia hợp tác trong GMS đã mang lại những tác động tích cực, góp phần làm thay đổi diện mạo của Việt Nam. Cụ thể:

Đối với lĩnh vực giao thông vận tải: Việc hoàn thành các tuyến hành lang kinh

tế mang lại nhiều lợi ích thiết thực và lâu dài cho Việt Nam. Một khi các tuyến hành lang kinh tế này đi vào vận hành sẽ “đánh thức” những tiềm năng còn đang ngủ quên, các tuyến hành lang kinh tế khi đi qua các địa phương của Việt Nam sẽ tạo điều kiện cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông cũng như đẩy mạnh thu hút đầu tư từ các nước trong khu vực và các nước khác trên thế giới. Nhiều dự án giao thông mới tại Việt Nam được nâng cấp và đi vào hoạt động, bao gồm: “*Dự án nâng cấp tuyến đường 9 ở Việt Nam hoàn thành năm 2006. Dự án này, sau khi nâng cấp, đã kết nối cảng Tiên Sa (Đà Nẵng), Quốc lộ 1 của Việt Nam từ Đà Nẵng qua Huế, Đông Hà, Lao Bảo, đường 9 ở Lào, tuyến đường qua Đông Bắc Thái Lan và nối với cảng Mawlamyine của Myanmar*” [4, tr.65]. Đến năm 2015, Việt Nam đã xây dựng xong cao tốc Hà Nội - Lào Cai, kết nối với đường cao tốc Côn Minh - Hà Khẩu, tạo đà cho các địa phương có tuyến hành lang đi qua phát triển kinh tế xã hội. Mặt khác, giao thông thuận lợi sẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển ngành du lịch cũng như rút ngắn thời gian di chuyển giữa Việt Nam với các nước GMS.

Về thương mại: Sau khi tham gia ký kết Khung chiến lược hành động và xúc tiến thương mại và đầu tư, cùng với Hiệp định vận tải xuyên biên giới đã tạo thuận lợi cho công tác vận tải hành khách và hàng hóa qua biên giới giữa Việt Nam với các nước GMS được dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, việc tăng cường hợp tác thương mại với các nước GMS còn tạo điều kiện cho sản phẩm hàng hóa của Việt Nam có thể nâng cao tính cạnh tranh với hàng hóa các nước trong khu vực, thị trường hàng hóa được mở rộng, nhiều

hoạt động trao đổi thương mại giữa Việt Nam với các nước GMS diễn ra mạnh mẽ và thu về những giá trị kinh tế cho Việt Nam. Theo số liệu thống kê, *“giai đoạn 2002 - 2006, hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang các nước GMS đã tăng trung bình 24%/năm, thị phần của Việt Nam trong tổng khối lượng hàng hóa xuất khẩu của GMS đã chiếm tới 8,8%”* [9].

Đối với hợp tác đầu tư: Bên cạnh những thành công trong hợp tác thương mại, hợp tác đầu tư với các nước GMS cũng mang lại nhiều hiệu quả tích cực cho Việt Nam trên cả hai phương diện: thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài và đầu tư trực tiếp của Việt Nam vào các nước GMS.

Về thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài: Việt Nam và các nước GMS được đánh giá là điểm đến hấp dẫn trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư quốc tế, trong đó bao gồm tổ chức ADB và các nước phát triển. *“Tính đến tháng 6/2014, Việt Nam đã tham gia vào các dự án vay vốn GMS với tổng số vốn khoảng 3,7 tỷ USD, bao gồm các dự án về giao thông, điện năng, y tế, môi trường, du lịch, nông nghiệp, phát triển đô thị dọc hành lang kinh tế,... Việt Nam đã tham gia khoảng 130 dự án hỗ trợ kỹ thuật vùng, trong đó ADB và các đối tác phát triển khác hỗ trợ trên 120 triệu USD”* [3].

Về đầu tư trực tiếp của Việt Nam vào GMS, theo số liệu báo cáo tại diễn đàn tài nguyên Mê Công lần thứ II (2013), *“Đến năm 2012, Việt Nam đã đầu tư vào hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đầu tư lên tới 13.5 tỷ USD. Trong đó, đầu tư ra các nước Tiểu vùng sông Mê Công chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài”* [1,tr.10]. Những thành tựu đạt được

trong hợp tác đầu tư có ý nghĩa rất lớn đối với Việt Nam trong việc cải thiện mạng lưới giao thông, phát triển cơ sở hạ tầng, giải quyết việc làm cho người lao động trong nước cũng như tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam phát huy những lợi thế của mình trong quá trình mở rộng đầu tư sang các nước trong khu vực và trên thế giới.

Về hợp tác du lịch: Việc tham gia dự án Phát triển du lịch bền vững GMS đã tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng du lịch tại các tỉnh thành của Việt Nam, giúp đỡ cho những cư dân nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo nhờ buôn bán các sản phẩm du lịch cũng như quảng bá du lịch Việt Nam đến du khách các nước GMS và các nước khác trên thế giới. Kết thúc giai đoạn I, dự án đã hoàn thành tốt các mục tiêu về xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp cơ sở vật chất cho các địa phương, tiêu biểu là: Xây dựng cầu tàu Du lịch Mỹ Tho, cầu tàu du lịch Châu Đốc, trạm kiểm soát liên hiệp Vĩnh Xương,... Trong giai đoạn II, dự án đã hoàn thành một số chỉ tiêu như: Thực hiện nhiều hoạt động về du lịch cộng đồng gắn xóa đói giảm nghèo; Hợp tác tiểu vùng Việt Nam - Lào; Quảng cáo các sản phẩm du lịch trên các tạp chí quốc tế; Phát triển đào tạo nguồn nhân lực trong nước và nước ngoài cho các cán bộ quản lý,... Nhờ những hoạt động tích cực trong hợp tác du lịch, lượng khách quốc tế đến Việt Nam và các nước GMS tăng đáng kể trong những năm qua. Theo số liệu thống kê năm 2012, *“lượng khách du lịch quốc tế đến khu vực GMS đã đạt gần 44 triệu lượt khách. Tại Việt Nam, 11 tháng năm 2013, đón 6,85 triệu lượt khách du lịch quốc tế, tăng trên 10%. Tính riêng lượng khách từ các nước*

khác trong Tiểu vùng đạt khoảng 2,4 triệu lượt, chiếm 35% tổng lượng khách du lịch quốc tế vào Việt Nam” [10].

Trong hợp tác phát triển nguồn nhân lực: Sau khi triển khai thực hiện Khung chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong GMS và Kế hoạch hành động (2009 - 2012) đã góp phần giải quyết được vấn đề đào tạo, phát triển kỹ năng cho nguồn nhân lực cho Việt Nam và các nước GMS. Qua đó đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tiếp nhận nhiều nguồn vốn tài trợ không hoàn lại từ phía ADB đối với công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân, vấn đề hợp tác phòng chống dịch bệnh.

Đối với hợp tác bảo vệ môi trường: Trong giai đoạn này, Việt Nam đã tích cực phối hợp với các nước GMS triển khai thực hiện Chương trình Môi trường trọng điểm trong cả hai giai đoạn nhằm góp phần giải quyết các vấn đề môi trường trong quá trình phát triển kinh tế tiểu vùng. Chương trình được giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường làm cơ quan chủ quản và Tổng cục Môi trường là chủ dự án. Thông qua chương trình, có 34 triệu USD được đầu tư cho hành lang bảo tồn đa dạng sinh học vùng Trung Trường Sơn, Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam còn tiến hành lồng ghép chương trình bảo vệ môi trường vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

Trong hợp tác quản lý nguồn nước sông Mê Công: Để bảo vệ nguồn nước, Việt Nam đã phối hợp với các nước phía hạ lưu sông Mê Công, bao gồm: Thái Lan, Lào và Campuchia thông qua Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài

nguyên nước cho hạ lưu vực sông Mê Công nhằm tạo thuận lợi cho các quốc gia hạ lưu vực sông Mê Công có thể ứng phó với những thay đổi về biến đổi khí hậu, cũng như dỡ bỏ những rào cản lâu nay giữa các quốc gia để hiện thực hoá các cơ hội cho phát triển bền vững dòng sông Mê Công.

Có thể khẳng định, những thành tựu đạt được trong hợp tác giữa Việt Nam với các nước GMS giai đoạn 1992 - 2016 có ý nghĩa to lớn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao vị thế của Việt Nam trong GMS. Trong giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2007, “GDP đầu người tính theo giá USD hiện hành của Việt Nam - tăng gấp gần 3 lần, lên mức 770 USD” [6, tr.33]. Ngoài ra, thông qua quá trình tham gia những dự án hợp tác với các nước GMS, đặc biệt là những dự án liên quan đến lĩnh vực hợp tác du lịch, thương mại, đầu tư cũng góp phần hỗ trợ cho Việt Nam trong giải quyết tốt những vấn đề xã hội, nhất là đối với công tác xóa đói giảm nghèo. Theo số liệu thống kê, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam giảm “từ 58,1% giảm xuống còn 19,5% vào năm 2003” [5, tr.106]. Bên cạnh đó, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam cũng được cải thiện đáng kể. Số liệu thống kê từ ADB cho thấy, “trong giai đoạn 1995 - 2006, HDI của Việt Nam tăng từ 0,645 lên 0,718 và đứng thứ 114” [6, tr.32-33] trên thế giới.

2.2.2. Tác động tiêu cực

Ngoài những tác động tích cực nêu trên, tham gia hợp tác với các nước GMS cũng gây ra nhiều hạn chế, tiêu cực đối với Việt Nam. Việc tăng cường liên kết các tuyến hành lang kinh tế đã tạo thuận lợi cho giao thông, thương mại giữa Việt Nam với

các nước GMS diễn ra khá dễ dàng và thuận tiện. Nhưng mặt khác nó cũng dẫn đến nạn buôn lậu, buôn bán ma túy khó kiểm soát được trong khu vực. Trong những năm gần đây, tình trạng nạn buôn bán ma túy có xu hướng gia tăng do nơi đây có vùng “Tam giác vàng” và “Trăng lưỡi liềm vàng” - là trung tâm sản xuất, buôn bán ma túy lớn trên thế giới nên Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp của hoạt động tội phạm tại các khu vực này. Loại tội phạm này thường tập trung nhiều tại khu vực biên giới giáp giữa Việt Nam với Lào, Campuchia và Trung Quốc. Nơi đây các tội phạm thường tổ chức mua bán, vận chuyển heroin, ma túy tổng hợp với số lượng lớn. Từ đó gây ra nỗi ám ảnh đối với người dân, đe dọa tình hình an ninh trật tự của Việt Nam và các nước GMS.

Bên cạnh đó, hệ thống giao thông vận tải của Việt Nam và các nước GMS mặc dù có sự cải thiện đáng kể do sự kết nối các tuyến hành lang kinh tế, song sự phát triển trong hệ thống giao thông vẫn chưa đồng đều tại các nước Lào, Campuchia, Việt Nam và Myanmar. Tại các nước này, đường sá vẫn còn nhỏ hẹp, nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, hệ thống sân bay, bến cảng, nhà ga còn thiếu thốn, tiến độ đầu tư xây dựng một số dự án, công trình mới tại các nước này còn chậm; nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng ít, ... Những hạn chế, yếu kém nêu trên đã gây khó khăn, cản trở đến quá trình hợp tác thương mại, chuyên chở hàng hóa giữa Việt Nam với các nước GMS.

Trong hợp tác thương mại, mặc dù giữa Việt Nam và các nước GMS đã tham gia ký kết Hiệp định vận tải xuyên biên

giới, nhưng trong quá trình thực hiện hiệp định còn nhiều bất cập, giữa các nước chưa triển khai đầy đủ và thống nhất trong các thủ tục xuất nhập cảnh, nhiều thủ tục giấy tờ tại các cửa khẩu không thống nhất, gây phiền hà cho quá trình vận chuyển hàng hóa, gây lãng phí thời gian của doanh nghiệp. Chẳng hạn như tờ khai tại cửa khẩu Lào - Thái chỉ cần điền 6 thông tin cần thiết trong khi đó tại cửa khẩu giữa Việt Nam và Lào, tờ khai có đến 45 thông tin.

Mặt khác, trong những năm qua, Việt Nam và các nước GMS quan tâm nhiều đến hợp tác phát triển kinh tế nhưng chưa chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường, tình trạng xây dựng các cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch, cùng với việc xây dựng các tuyến hành lang kinh tế đã làm cho diện tích rừng trong khu vực GMS bị suy giảm nghiêm trọng, nhiều nơi rừng không còn có thể tái sinh, đất trở thành đồi trọc. Theo số liệu báo cáo từ WWF: *“Từ 1973 đến 2009, 5 quốc gia trong khu vực tiểu vùng sông Mê Công mở rộng mất gần một phần ba diện tích rừng che phủ còn lại. Trong thời gian này, Campuchia mất 22% diện tích rừng của năm 1973, Lào và Myanmar mất 24%, Thái Lan và Việt Nam mất tới 43%”* [8]. Diện tích rừng giảm kéo theo nhiều hệ lụy như: khả năng giữ nước hạn chế, làm tăng khả năng lũ quét, tác động tiêu cực đến môi trường sống của người dân Việt Nam.

Một trong những tác động tiêu cực ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình tham gia hợp tác của Việt Nam trong GMS, đó là sự xuất hiện mâu thuẫn lợi ích quốc gia trong việc khai thác nguồn nước sông Mê Công. Không ai có thể phủ nhận những lợi ích, trực tiếp hay gián tiếp mà sông Mê Công

mang lại từ những góc độ khác nhau. Đối với doanh nghiệp và nhà đầu tư, lợi ích từ dòng sông là thủy điện, năng lượng. Đối với các chính phủ, đó có thể là nguồn thu cho ngân sách quốc gia, cơ hội phát triển và đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước. Đối với những cộng đồng ven sông, dòng sông mang lại những nguồn lợi đảm bảo sinh kế và sinh hoạt hằng ngày. Khoảng 70 - 80% lương thực sản xuất ở các quốc gia Thái Lan, Lào, Myanmar và Việt Nam lấy nước từ sông Mê Công, khoảng 50% diện tích lưu vực sông Mê Công được sử dụng để sản xuất nông nghiệp, gần 70 triệu dân dọc theo lưu vực sông Mê Công sử dụng nguồn nước này để sản xuất, sinh sống và sinh hoạt. Do đó, tài nguyên nước sông Mê Công được khẳng định là quan trọng nhất. Chính vì vậy, khi khai thác nguồn lợi từ sông Mê Công, các nước trong GMS đều xuất phát từ những mục đích khác nhau. Trung Quốc đã ngang nhiên xây dựng nhiều dự án thủy điện trên dòng chính sông Mê Công mà không thông qua sự trao đổi, tham khảo ý kiến từ các nước ở hạ lưu. Lào cũng muốn tận dụng tối đa nguồn nước Sông Mê Công để phát triển hệ thống thủy điện nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, trong khi đó Thái Lan sử dụng nguồn nước để phục vụ công tác tưới tiêu, Campuchia cũng có “ý đồ” khai thác nguồn nước sông Mê Công để phát triển hệ thống thủy điện, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Còn tại Việt Nam, lợi ích nổi bật nhất trong khai thác nguồn nước sông Mê Công là phục vụ phát triển nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên. Những điều này đã, đang và sẽ ảnh hưởng

manh mẽ đến nguồn nước sông Mê Công và các hệ sinh thái trong lưu vực, đẩy hàng triệu người dân đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó, Việt Nam do nằm ở cuối nguồn nên sẽ chịu tác động nhiều nhất mọi biến động thiên nhiên và hoạt động của con người ở các quốc gia phía thượng lưu. Từ thực tiễn những gì đã và đang diễn ra tại Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam, có thể thấy việc xây dựng các dự án thủy điện trên dòng chính sông Mê Công có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam, tác động trực tiếp đến sinh kế của hàng chục triệu người dân sống tại khu vực này và có thể gây ảnh hưởng đến sản lượng lương thực của thế giới do Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng vị trí thứ hai trên thế giới. Do đó, việc xây dựng các dự án thủy điện đang trở thành vấn đề hết sức thách thức đòi hỏi các nước trong GMS cần bàn bạc, thống nhất và xem xét vì nó liên quan đến việc chia sẻ và sử dụng, quản lý tài nguyên nước xuyên biên giới nhằm đảm bảo tính công bằng, bền vững.

3. KẾT LUẬN

Việt Nam tham gia hợp tác vào GMS từ năm 1992 và là thành viên sáng lập nên tổ chức này. Cũng giống như các nước thành viên trong GMS, Việt Nam nhận thức sâu sắc vấn đề tăng cường hợp tác với các nước GMS nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững khu vực GMS. Thông qua việc tham gia nhiều lĩnh vực hợp tác, Việt Nam đã tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để cải thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, đẩy mạnh trao đổi thương mại, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư từ các nước

trong và ngoài khu vực, thúc đẩy hợp tác du lịch giữa Việt Nam với các nước GMS.

Có thể thấy rằng, tham gia hợp tác với các nước GMS đã mang lại nhiều tác động tích cực đối với Việt Nam, nhưng đồng thời nó cũng tạo ra những thách thức, tiêu cực, trong đó việc sử dụng nguồn nước sông Mê Công là vấn đề đáng lo ngại.

Là thành viên của GMS, cùng uống chung dòng nước, Việt Nam cần tăng cường hợp tác chặt chẽ với các nước GMS trên tinh thần bình đẳng và cùng có lợi để có thể khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên do sông Mê Công mang lại nhằm phục vụ tốt cho công cuộc xây dựng

và phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Trên cơ sở đó, thông qua tổ chức GMS và Ủy hội sông Mê Công, Việt Nam phải ra sức kêu gọi các nước GMS, nhất là các nước phía thượng lưu nên chia sẻ những thông tin liên quan đến việc xây dựng các dự án thủy điện để có giải pháp kịp thời nhằm khắc phục những hạn chế đáng tiếc xảy ra đối với các nước phía hạ lưu. Từ đó tránh được những tác hại liên quan đến môi trường sinh thái của khu vực. Nếu thực hiện tốt giải pháp trên sẽ có ý nghĩa rất to lớn, góp phần tạo nên sự thành công trong chương trình hợp tác kinh tế GMS cũng như nâng cao vị thế của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Quản lý Đầu tư Nước ngoài (2013), *Báo cáo đầu đầu tư trực tiếp của Việt Nam ở một số nước Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng*, Hà Nội.
- [2] Lê Thị Diệp (2013), *Trung Quốc tham gia hợp tác tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS) giai đoạn 2002 - 2012*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] La Hoàn, *Nhìn lại vị thế của Việt Nam trong hợp tác Tiểu vùng Mê Kông*, đăng trang web: <http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=16861>, cập nhật ngày 26/12/2014.
- [4] Nguyễn Hoàng Huê (2014), *Tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc hành lang kinh tế Đông - Tây (1998 - 2010)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Thế giới, Đại học Huế.
- [5] Hoàng Việt Khang (2009), *Hợp tác kinh tế Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng – Hiện trạng, vấn đề và giải pháp*, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Hồng Nhung (2010), *Xác định lại vị trí địa kinh tế của tiểu vùng sông Mê Công mở rộng và hàm ý cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông, số 2.
- [7] Đào Trọng Tứ (2013), *Hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công*, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, kỳ 2, tháng 10, tr.29 - 30.
- [8] Nguy cơ mất diện tích rừng ở tiểu vùng sông Mekong, <https://vnexpress.net>.
- [9] Triển vọng hợp tác tiểu vùng mekong mở rộng, <http://vietnamexport.com>.
- [10] Hợp tác du lịch trong tiểu vùng mekong mở rộng, <http://vilacaed.org.vn>.
- [11] Hạn - mặn lịch sử 2016 ở Đồng bằng sông Cửu Long: bài học kinh nghiệm và những giải pháp ứng phó, <http://khoahocvacongnghevietnam.com.vn>.

Ngày nhận bài: 26-3-2018. Ngày biên tập xong: 30-3-2018. Duyệt đăng: 19-5-2018.